

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 07/12/2018 của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2019; Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX - kỳ họp thứ 9 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre năm 2019; đồng thời, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện với những nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (GRDP) ở mức cao và bền vững; tập trung giải quyết tốt các điểm nghẽn để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trong và ngoài ngân sách nhà nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục; đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tích cực hội nhập quốc tế.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) phấn đấu tăng 7,3%; trong đó, khu vực I tăng 4%; khu vực II tăng 12,2%; khu vực III tăng 7,5%;
- Cơ cấu kinh tế (theo GTTT): Khu vực I chiếm 33,43%, khu vực II chiếm 18,81%, khu vực III chiếm 45,61%, và thuế sản phẩm chiếm 2,15%;
- Tổng kim ngạch xuất khẩu 1.160 triệu USD;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 18.735,8 tỷ đồng;
- GRDP bình quân đầu người đạt 38,7 triệu đồng/người;
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo dự toán Trung ương giao là 3.783 tỷ đồng; chỉ tiêu địa phương phấn đấu là 3.900 tỷ đồng;
- Tổng chi ngân sách địa phương là 9.296,38 tỷ đồng; chỉ tiêu địa phương phấn đấu là 9.413,08 tỷ đồng;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 5,3%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58%;
- Tạo việc làm mới cho 18.000 lao động;
- Phần đầu có 1.200 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Duy trì tỷ suất sinh dưới 12‰;
- Đạt 29,02 giường bệnh/vạn dân;
- Đạt 8,96 bác sĩ/vạn dân;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,1% dân số;
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 10,2%;
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 99,92%;
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98%, trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 58,5%.
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được đạt 92%.
- Kéo giảm tai nạn giao thông trên cả ba mặt từ 5-10% so với năm 2018;
- Kéo giảm phạm pháp hình sự; nâng tỷ lệ điều tra, khám phá án hình sự đạt từ 80% trở lên;
- Huấn luyện lực lượng thường trực đạt 98,5%;
- Diễn tập khu vực phòng thủ 02 huyện và 25% cấp xã theo các phương án (A, A2, A3, A4, Phòng chống lụt bão);
- Tuyển quân năm 2019 đạt 100% chỉ tiêu.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 song song với việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong nhiệm kỳ, UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế

1.1. Chủ động, linh hoạt và thận trọng trong triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về tiền tệ và hoạt động ngân hàng; chấp hành nghiêm các quy định về lãi suất huy động và cho vay; nâng cao chất lượng tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp và người dân; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, Chương trình ĐKKN&PTDN; cho vay các mô hình chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp ngăn chặn tình trạng tín dụng đen, cho vay nặng lãi. Phần đầu tăng trưởng tín dụng ở mức 14%; dư nợ cho vay doanh nghiệp và dư nợ cho vay phục vụ

phát triển nông nghiệp nông thôn tăng 15%; kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 2% tổng dư nợ.

1.2. Siết chặt kỷ luật tài chính - NSNN; tạo sự chuyển biến trong chống thất thu ngân sách, nợ đọng, chuyển giá, trốn thuế,...; phấn đấu tăng thu NSNN khoảng 3% so dự toán Trung ương giao, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5%. Quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả về chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao; tiếp tục cơ cấu lại chi cân đối ngân sách địa phương, phấn đấu nâng tỷ lệ chi đầu tư phát triển lên khoảng 24% và chi thường xuyên khoảng 73% so với tổng chi. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN; triển khai thực hiện có hiệu quả Luật quản lý và sử dụng tài sản công.

1.3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường; nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, thực hiện kết nối cung cầu hàng hóa với các tỉnh, thành trong cả nước. Tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại kết hợp với tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thị trường; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại,... xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Tăng cường quảng bá các sản phẩm chủ lực của tỉnh, khuyến khích tiêu dùng nội địa; tiếp tục triển khai cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 15,57%.

1.4. Theo dõi chặt chẽ tình hình kinh tế - xã hội, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; phấn đấu đạt toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đề ra, nhất là các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế GRDP, GRDP bình quân đầu người, tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội,... Nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, dự báo, phục vụ quản lý, điều hành; tổ chức thực hiện tốt tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; triển khai thực hiện Đề án thống kê khu vực GRDP chưa được quan sát theo hướng dẫn của Trung ương và triển khai Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030.

2. Thực hiện các đột phá trong phát triển kinh tế-xã hội, cơ cấu lại các ngành kinh tế, đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng tăng trưởng.

2.1. Thực hiện quyết liệt các đột phá chiến lược:

- Tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; tập trung thực hiện Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TU của Tỉnh ủy về huy động nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020. Triển khai thực hiện tốt công tác GPMB, giải quyết nhanh các hồ sơ, thủ tục và vướng mắc trong xây dựng cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án trọng điểm, các dự án tác động lớn đến phát triển KT-XH của tỉnh¹. Phát huy vai trò động lực phát triển của các đô thị, thúc đẩy mạnh mẽ đô thị hóa theo hướng bền vững; đánh giá thực

¹ Như: Dự án Quản lý nguồn nước Bến Tre (vốn ODA Nhật Bản), HTTL Bắc Bến Tre và Nam Bến Tre, Tiểu dự án nâng cấp đô thị Tp Bến Tre (WB), dự án BVĐK 500 giường (ODA Hàn Quốc), ĐH.173, tuyến tránh QL 60, nâng cấp QL57, Cấp nước Cù Lao Minh, Đường Bắc Nam; dự án đầu tư chính trang và phát triển đô thị khu vực Tây Bắc TP Bến Tre; dự án đầu tư chính trang khu dân cư đô thị Phú Khương, dự án xây dựng đô thị phía Nam TP Bến Tre;...

trạng phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh làm cơ sở đề xuất trình xin chủ trương lập quy hoạch điều chỉnh tổng thể các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị, lồng ghép mục tiêu phát triển đô thị tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tập trung thực hiện các tiêu chuẩn chưa đạt để thành phố Bến Tre được công nhận đô thị loại II vào năm 2019. -

- Gắn kết chặt chẽ phát triển giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Tiếp tục triển khai hiệu quả kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020. Tập trung sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ². Rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới và đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức triển khai, thực hiện đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” của Chính phủ; có giải pháp tập hợp và sử dụng hiệu quả đội ngũ lao động đã làm việc ở nước ngoài trở về nước. Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược thời kỳ 2011-2020 và Quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011-2020.

2.2. Triển khai thực hiện Luật Quy hoạch và Luật sửa đổi, bổ sung các luật có quy định liên quan đến quy hoạch. Tập trung tổ chức triển khai công tác lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chủ động liên kết, hợp tác với các tỉnh/thành phố trong khu vực và cả nước, nhất là TP.HCM và TP Cần Thơ. Phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện Đề án liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long.

2.3. Cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư, thanh tra, kiểm tra đầu tư công; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu, bảo đảm thực chất, công khai, minh bạch; nâng cao tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng bằng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi. Kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật đối với các nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu, vi phạm hợp đồng đã ký kết, không có năng lực thực hiện dự án.

2.4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác sắp xếp, cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước; hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động ổn định sau sắp xếp; thường xuyên giám sát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát. Thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm, đào tạo, sát hạch, kiểm định và tư vấn công trình giao thông.

2.5. Tiếp tục thực hiện tốt việc xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội, Chỉ thị số 32/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 06/CT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tập trung xử lý

² về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, khuyến khích xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp.

có hiệu quả các tổ chức tín dụng yếu kém và nợ xấu theo nguyên tắc thị trường, không hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát; xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động của các tổ chức tín dụng; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

2.6. Quyết liệt triển khai thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng các ngành, lĩnh vực kinh tế theo chiều sâu trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nâng cao tính tự chủ. Khuyến khích chuyển giao công nghệ, chuyển đổi lên công nghệ cao hơn, tiến tới nghiên cứu, phát triển công nghệ mới; hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp sáng tạo. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020.

2.7. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành khoa học và công nghệ, chương trình phát triển tài sản trí tuệ. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là vào lĩnh vực nông nghiệp và phục vụ y dược; rà soát, đánh giá hiệu quả các mô hình để đề xuất các giải pháp hỗ trợ phù hợp cho phát triển sản xuất và đời sống. Cơ cấu lại các chương trình khoa học theo hướng coi doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo. Phát huy các nguồn lực xã hội cho nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ. Hỗ trợ, tạo sự liên kết với cộng đồng doanh nghiệp, đưa khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp trở thành một đột phá cho đổi mới mô hình tăng trưởng. Tăng cường xây dựng và phát triển Chỉ dẫn địa lý nhãn hiệu chứng nhận tập thể cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh theo Luật Sở hữu trí tuệ. Tiếp tục thực hiện Dự án nâng cao năng suất chất lượng DNNVV tỉnh Bến Tre giai đoạn 2013-2020.

2.8. Phát triển nhanh các ngành kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tái cấu trúc ngành công nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành kinh tế

- Nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với xây dựng NTM, chương trình Mỗi xã một sản phẩm OCOP và xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, từng bước phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp an toàn; nghiên cứu xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển hệ thống phân phối sản phẩm an toàn. Tập trung đẩy nhanh xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị nông sản, chú trọng tạo ra thêm nhiều sản phẩm trong chuỗi giá trị, góp phần xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp để phát triển bền vững và thúc đẩy xuất khẩu; xây dựng và hoàn thiện chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm heo. Triển khai kế hoạch phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2025; xây dựng hoàn thiện mô hình HTX kiểu mới theo Quyết định số 461/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM; khẩn trương rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch NTM ở tất cả các xã trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa

lớn, hiện đại gắn với phát triển du lịch; tập trung thực hiện tốt chủ trương xây dựng giao thông nông thôn theo Đề án 3333/ĐA-UBND của UBND tỉnh; khuyến khích phát triển các nghề mới phù hợp với điều kiện địa phương, tập trung xây dựng thí điểm làng văn hóa-du lịch ở huyện Chợ Lách.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, thương mại, Đề án phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ và các chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy thực hiện có hiệu quả các giải pháp tái cơ cấu ngành công nghiệp, tập trung phát triển các ngành chế biến, chế tạo, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ gắn với liên kết chuỗi giá trị của các doanh nghiệp; tập trung hướng dẫn và có lộ trình để các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động. Sớm triển khai dự án KCN Phú Thuận, các dự án điện gió, điện mặt trời,... Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế thúc đẩy sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm, nhất là các sản phẩm từ dừa. Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành để sớm hoàn thành Đề án đầu tư phát triển Trung tâm Dừa Đồng Gò mang tầm quốc gia.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp kết nối, mở rộng thị trường trong nước; đẩy mạnh quảng bá, phát triển du lịch có hiệu quả bền vững và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển du lịch Bến Tre đến năm 2030.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh cải cách TTHC, tiếp tục rút ngắn thời gian giải quyết TTHC liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân, tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp quy mô lớn.

3. Phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

3.1. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách đối với người có công, đảm bảo công khai, minh bạch; đẩy mạnh phong trào Đền ơn đáp nghĩa và chăm lo cho các gia đình chính sách; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách tại địa phương, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các sai phạm. Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững, Đề án phát triển đa dạng sinh kế, thoát nghèo bền vững tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 gắn với hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư khu vực nông thôn. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp xã hội và chính sách phúc lợi xã hội; tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch chăm sóc người cao tuổi; vận động hỗ trợ trẻ em có

hoàn cảnh đặc biệt khó khăn³, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tổ chức tốt các hoạt động bình đẳng giới.

Đẩy mạnh công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo việc làm cho người lao động; nâng cao hiệu quả công tác giới thiệu việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm Bến Tre; triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Phấn đấu giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị còn dưới 3,36%. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

3.2. Tiếp tục triển khai các Nghị quyết Trung ương về công tác y tế, dân số; nâng cao chất lượng dân số về thể chất, duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh. Củng cố và hoàn thiện hệ thống giám sát, cảnh báo dịch và phòng chống dịch bệnh chủ động; thiết lập hệ thống giám sát, phòng chống các yếu tố gây nguy cơ của các bệnh không lây nhiễm. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện; nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu⁴ và chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, tăng sự hài lòng của người dân; thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; tiếp tục tăng cường cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư trong y tế. Mở rộng các hình thức đào tạo và bồi dưỡng để phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; đẩy mạnh đào tạo chuyên môn sau đại học cho tuyến tỉnh và tuyến huyện; bảo đảm đủ cán bộ y tế và cơ cấu hợp lý cho các địa phương và các chuyên khoa. Chú trọng công tác thanh kiểm tra, giám sát các hoạt động an toàn vệ sinh thực phẩm, hạn chế thấp nhất xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm đông người.

3.3. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 19/TW qua việc sắp xếp mạng lưới trường lớp, các trường gần nhau, quy mô nhỏ; chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới công tác quản lý các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Tổ chức các kỳ thi nghiêm túc, an toàn và chất lượng. Sắp xếp, giải quyết tốt vấn đề thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Tăng cường an ninh, an toàn trường học, chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020.

3.4. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch. Sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa; tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh" và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", phấn đấu năm 2019 công nhận 12 xã đạt chuẩn

³ Năng tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em là 84,76% (139 xã, phường, thị trấn);

⁴ Đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã và phòng khám đa khoa khu vực liên xã đạt chuẩn quốc gia về cơ sở theo lộ trình đã được phê duyệt; Trang cấp các trang thiết bị y tế theo danh mục qui định cho các Trạm Y tế xã và phòng khám đa khoa khu vực theo kế hoạch được phê duyệt.đảm bảo 100% Trạm Y tế xã đều có bác sĩ phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân địa phương;

văn hóa nông thôn mới; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lễ hội, đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với thuần phong mỹ tục; chuẩn bị và tổ chức thành công Lễ hội Dừa tỉnh Bến Tre năm 2019. Tiếp tục triển khai Đề án phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn 2015-2020; khuyến khích tổ chức các hoạt động TDTT quần chúng để rèn luyện, nâng cao sức khỏe cộng đồng. Phần đầu đến cuối năm có 40,2% dân số và 35,2% hộ gia đình tập luyện TDTT thường xuyên.

4. Phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

4.1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm, đặc biệt là các trường hợp tổ chức, doanh nghiệp sử dụng đất được giao, cho thuê không đúng mục đích, lãng phí đất công; giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tranh chấp đất đai còn tồn đọng. Tiếp tục kiểm tra công tác xác lập pháp lý quỹ đất nhà nước quản lý; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhất là đối với đất lúa, đất rừng. Tổ chức điều tra thoái hóa đất kỳ đầu trên địa bàn tỉnh Bến Tre; đồng thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG).

4.2. Quản lý hiệu quả tài nguyên khoáng sản, nhất là cát sông; xây dựng phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh. Rà soát thăm dò, khai thác cát đến năm 2020; hoàn chỉnh các thủ tục đưa 5 khu vực mỏ trên 3 tuyến Sông Hàm Luông, Cổ Chiên và Sông Tiền vào khai thác; đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về khai thác cát lòng sông trái phép.

4.3. Tiếp tục triển khai Đề án xây dựng cơ sở hạ tầng cung cấp nước sạch phục sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phối hợp giám sát, giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Lập danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước. Triển khai thực hiện Hệ thống quan trắc dự báo độ mặn và giám sát chất lượng nước tự động tỉnh Bến Tre (Dự án AMD Bến Tre).

4.4. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu, quản lý chất thải nguy hại; kiểm soát chặt chẽ nguồn xả thải; tập trung xử lý rác thải đô thị, nông thôn, nhân rộng mô hình xử lý rác thải hiệu quả, bền vững. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý môi trường và Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh. Triển khai việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Thực hiện nghiêm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các Khu, CCN và tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng.

4.5. Triển khai thực hiện có hiệu quả CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, Nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó

biến đổi khí hậu giai đoạn 2020-2030 và đánh giá khí hậu tỉnh Bến Tre. Nâng cao năng lực phòng chống giảm nhẹ thiên tai, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, ổn định đời sống dân cư; bảo đảm an toàn hệ thống đê sông, đê biển. Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo⁵ và sử dụng tiết kiệm năng lượng. Tổ chức cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền cho các tổ chức, cá nhân.

5. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

5.1. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc tiếp xúc, đối thoại với công dân. Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm; giải quyết kịp thời đơn mới phát sinh từ 85% trở lên và công khai kết quả giải quyết. Đồng thời, tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định giải quyết khiếu nại, xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

5.2. Tổ chức thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII và các quy định về thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về PCTN; Tập trung thanh tra PCTN trên các lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tiêu cực như: quản lý, sử dụng tài chính ngân sách, mua sắm tài sản công, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai; thực hiện nghiêm quy định về kê khai tài sản, thu nhập, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng không phân biệt đối tượng vi phạm; phấn đấu thu hồi từ 90% trở lên các khoản tiền sai phạm theo kết luận thanh tra.

6. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp

6.1. Kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo Kế hoạch số 1562/KH-UBND và Kế hoạch số 1564/KH-UBND của UBND tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả, năng động, đổi mới. Triển khai thực hiện các tiêu chí đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm gắn với chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định; thực hiện cơ chế khoán quỹ lương bán chuyên trách ở xã, ấp.

6.2. Tiếp tục triển khai Chương trình hành động số 29-Ctr/TU ngày 26/01/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW của BCHTW Đảng, Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Chuyển đơn vị

⁵ Tiếp tục triển khai Quy hoạch phát triển điện gió đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo lộ trình và theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

6.3. Tiếp tục rà soát, đơn giản TTHC; thực hiện quyết liệt các giải pháp duy trì và nâng cao thứ hạng các chỉ số đánh giá địa phương như: PAR INDEX, PAPI, PCI, SIPAS; gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin từ tỉnh đến cơ sở; tăng số dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp ở mức độ cao (mức độ 3 và 4) trên các cổng, trang thông tin của các cơ quan nhà nước.

6.4. Nâng cao chất lượng thẩm định, ban hành VBQPPL, bảo đảm đồng bộ, chặt chẽ và khả thi; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp, giám định tư pháp; thực hiện nghiêm quy định về lĩnh vực hành chính tư pháp, pháp luật về tổ tụng hành chính.

6.5. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giải quyết công việc của các cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương trong việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử; nâng cao chỉ số dịch vụ công trực tuyến, chỉ số ứng dụng CNTT. Thực hiện đồng bộ hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice phục vụ chỉ đạo, điều hành và liên thông 04 cấp; triển khai hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hoặc 4 VNPT-iGate; tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tăng cường thực hiện công tác bảo đảm an toàn, có phương án ứng phó, khắc phục kịp thời các sự cố mất an toàn thông tin, an ninh mạng. Đưa vào hoạt động Trung tâm hành chính công cấp tỉnh trong Quý I/2019.

7. Tăng cường quốc phòng an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển

7.1. Về tăng cường công tác quốc phòng, an ninh:

- Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn với thế trận an ninh nhân dân; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới.

- Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bảo vệ vững chắc chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng, an ninh mạng, các sự kiện chính trị, ngày lễ lớn, hội nghị và các mục tiêu trọng điểm.

- Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, hoạt động theo kiểu “xã hội đen”, tội phạm hình sự liên quan “tín dụng đen”; tội phạm ma túy, cướp giật, công nghệ cao,... Triển khai thực hiện các biện pháp hiệu quả bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và phòng, chống cháy nổ; chống ùn tắc giao thông tại các nút giao thông quan trọng. Phấn đấu kéo giảm số vụ tội phạm về trật tự xã hội; kéo giảm tai nạn giao thông trên cả ba mặt so với năm 2018.

7.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế: Chủ động triển khai có hiệu quả, thực chất các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế và liên kết vùng. Tổ chức các Đoàn công tác ngoài nước để khảo sát các cơ hội xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; tìm hiểu thị trường để đưa người lao động ra nước ngoài làm việc, nhất là tại Nhật Bản. Tiếp nhận, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án ODA, viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương và của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào. Tổ chức tiếp đón các đoàn khách nước ngoài đến chào xã giao, làm việc đảm bảo chu đáo, trọng thị, đúng quy định và đảm bảo nghi thức lễ tân ngoại giao. Tích cực và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện các thỏa thuận hợp tác, liên kết phát triển kinh tế - xã hội, nhất là TP.HCM và các tỉnh trong Tiểu vùng phía Đông ĐBSCL.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nêu trên và Phụ lục phân công nhiệm vụ kèm theo kế hoạch này, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện/thành phố có kế hoạch để tập trung triển khai thực hiện; trong đó, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng tổ chức, cá nhân và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra, góp phần hoàn thành thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

3. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm, các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện/thành phố báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề cấp bách, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh, Cục Thống kê (báo cáo thực hiện kế hoạch này được lồng ghép vào báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ định kỳ của các cơ quan, đơn vị, địa phương). Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- TT. TU, TT HĐND tỉnh;
- MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH Bến Tre; Báo Đồng Khởi;
- Chánh, các PCVP;
- Phòng: TH, KT, KGVX, TCĐT, NgV, KSTTHC, BTCD;
- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng



PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUAN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo kế hoạch số 321/KH-UBND ngày 18/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ/ Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình/ban hành	Ghi chú
1	Đề án thành lập Vườn ươm doanh nghiệp tỉnh Bến Tre.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I/2019	
2	Quyết định về việc ban hành định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục công trình theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I/2019	
3	Quy chế hoạt động của Hội đồng Quy hoạch tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 02/2019	
4	Kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công năm 2019.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 02/2019	
5	Kế hoạch kiểm tra hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh; theo dõi đấu thầu qua mạng theo kế hoạch được phê duyệt.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 02/2019	
6	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 02/2019	
7	Đề án Hỗ trợ DNNVV tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 5/2019	
8	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 10/2019	
9	Tham mưu triển khai xây dựng Trung tâm hành chính Mỏ Cây Nam từ nguồn vốn NSNN trong giai đoạn 2019-2020.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019	
10	Tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2019-2020	

STT	Tên nhiệm vụ/ Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình/ban hành	Ghi chú
11	Phối hợp thực hiện xây dựng và triển khai Đề án liên kết tiểu vùng Duyên hải phía ĐBSCL	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2019-2021	
12	Thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre, Công ty CP Xây dựng và Bảo trì cầu đường, Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre	Ban Chỉ đạo CPH DNNN	Năm 2019	
13	CPH Trung tâm Đăng kiểm, đào tạo, sát hạch, kiểm định và tư vấn công trình giao thông	Ban Chỉ đạo CPH DNNN	Năm 2019	
14	Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (thời điểm 1/4/2019)	Cục Thống kê	Tháng 4/2019	Bắt đầu 1/4
15	Đề án giảm chi trực tiếp từ NSNN cho đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Tài chính	Quý II/2019	
16	Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 (sau khi có Chương trình năm 2019 của Chính phủ)	Sở Tài chính	Quý I/2019	
17	Quyết định thay thế Quyết định 29/2016/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 về ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre	Sở Công Thương	Tháng 8/2019	
18	Quy chế phối hợp thanh tra, kiểm tra trong hoạt động bán hàng đa cấp	Sở Công Thương	Tháng 10/2019	
19	Quyết định sửa đổi Quyết định 25/2016/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương	Sở Công Thương	Tháng 11/2019	
20	Xây dựng và hoàn thiện Chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm heo	Sở Công Thương	Tháng 12/2019	
21	Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận 359-KL/TU của Tỉnh ủy	Sở NN và PTNT	Quý 1/2019	
22	Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh	Sở NN và PTNT	Tháng 04/2019	
23	Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh	Sở NN và PTNT	Tháng 04/2019	

STT	Tên nhiệm vụ/ Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình/ban hành	Ghi chú
24	Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Sở NN và PTNT	Tháng 04/2019	
25	Quyết định ban hành chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh	Sở NN và PTNT	Tháng 04/2019	
26	Xây dựng dự thảo Quyết định ban hành định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên địa bàn tỉnh	Sở NN và PTNT	Tháng 06/2019	
27	Triển khai Đề án "Mỗi xã một sản phẩm"	Sở NN và PTNT	Năm 2019	
28	Xây dựng và triển khai phương án quản lý rừng bền vững	Sở NN và PTNT	Quý I/2019	
29	Xây dựng Đề án cho thuê môi trường rừng	Sở NN và PTNT	Quý II/2019	
30	Tổ chức đối thoại Ngân hàng - Doanh nghiệp năm 2019.	NHNN CN Bến Tre	Quý II/2019	
31	Danh mục công trình, dự án cần thực hiện đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Giao thông vận tải	Quý I/2019	
32	Danh mục công trình thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp hạ tầng giao thông.	Sở Giao thông vận tải	Quý I/2019	
33	Triển khai dự án cải tạo, nâng cấp QL.57 đoạn từ bến phà Đình khao đến thị trấn Mỏ Cày	Sở Giao thông vận tải	Năm 2019	Dự kiến khởi công
34	Chuyển giao quyền kinh doanh - khai thác bến phà Hưng Phong, bến phà Tam Hiệp theo hình đối tác công tư PPP.	Sở Giao thông vận tải	Năm 2019	
35	Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải về Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu 2	Sở Giao thông vận tải	Năm 2019 - 2020	
36	Đề xuất chủ trương nạo vét lòng sông Tiền (Cửa Đại).	Sở Giao thông vận tải	2019 -2022	
37	Kế hoạch thực hiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2019	Ban ATGT tỉnh	Quý I/2019	
38	Kế hoạch đẩy mạnh, đa dạng các hình thức tuyên truyền đảm bảo ATGT đến người dân, chủ phương tiện vận tải, phổ biến Luật ATGT thường xuyên, liên tục.	Ban ATGT tỉnh	Quý I/2019	

STT	Tên nhiệm vụ/ Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình/ban hành	Ghi chú
39	Phương án tổ chức hạng mục con đường đừa phục vụ lễ hội đừa năm 2019.	Sở Xây dựng	Tháng 01/2019	
40	Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020 (Điều chỉnh lại)	Sở Xây dựng	Tháng 3/2019	
41	Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2019	Sở Xây dựng	Tháng 3/2019	
42	Văn bản quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng theo hướng dẫn của Thông tư số 13/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	Tháng 4/2019	
43	Quyết định về việc ủy quyền phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Xây dựng	Tháng 5/2019	
44	Hoàn thành việc lựa chọn Nhà đầu tư dự án Khu nhà ở Sơn Đông	Sở Xây dựng	Tháng 6/2019	
45	Kế hoạch di dời công trình dân dụng và công nghiệp vi phạm hành lang an toàn khu vực ven biển, ven sông nhằm giảm thiểu nguy cơ sạt lở, hướng tới phát triển bền vững giai	Sở Xây dựng	Tháng 6/2019	
46	Hội nghị tổng kết công tác hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Bến Tre theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ	Sở Xây dựng	Tháng 06/2019	
47	Kế hoạch phát triển thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020	Sở Xây dựng	Tháng 7/2019	
48	Chủ trương lập Đề án đầu tư hệ thống xử lý nước thải đô thị cho thành phố Bến Tre, các thị trấn Ba Tri và Bình Đại	Sở Xây dựng	Tháng 9/2019	
49	Chủ trương và tổ chức lập đơn giá sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng và đơn giá xây dựng công trình phần thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng	Sở Xây dựng	Tháng 9/2019	
50	Quyết định về việc ban hành quy định về quản lý sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch tại tỉnh Bến Tre	Sở Xây dựng	Tháng 9/2019	
51	Quyết định Bảng giá nhà, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Sở Xây dựng	Tháng 10/2019	

STT	Tên nhiệm vụ/ Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình/ban hành	Ghi chú
52	Trình Bộ Xây dựng thẩm định hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư Dự án đầu tư chỉnh trang và phát triển đô thị khu vực Tây Bắc thành phố Bến Tre	Sở Xây dựng	Tháng 12/2019	
53	Đề án công nhận thị trấn Mỏ Cày đạt chuẩn đô thị loại IV	Sở Xây dựng	Tháng 12/2019	
54	Quyết định công nhận 06 trung tâm xã (An Ngãi Trung, Tân Xuân; Nhuận Phú Tân; Quới Sơn, Tân Thạch; Giao Thạnh) đạt chuẩn đô thị loại V	Sở Xây dựng	Tháng 12/2019	
55	Tổng kết Đề án xây dựng cơ sở hạ tầng cung cấp nước sạch phục sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Tháng 12/2019	
56	Đề án bảo trì các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Tháng 12/2019	
57	Phê duyệt hồ sơ chấp thuận đầu tư các dự án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh: Dự án Khu đô thị phía Nam thành phố Bến Tre (xã Mỹ Thạnh An, Nhơn Thạnh); Dự án chỉnh trang khu dân cư đô thị Phú Khương (Phường Phú Khương) TP. Bến Tre...	Sở Xây dựng	Năm 2019	
58	Xây dựng Bảng giá đất 5 năm (2020-2024)	Sở TN và MT	Năm 2019	
59	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý môi trường tỉnh Bến Tre	Sở TN và MT	Năm 2019	
60	Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Sở TN và MT	Năm 2019	
61	Phối hợp với Đoàn chuyên gia Rumani xây dựng dự án "Thành lập thí điểm khu bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững du lịch sinh thái và Trung tâm tri thức về phát triển du lịch sinh thái tại Đồng bằng sông Cửu Long"	Sở TN và MT	Năm 2019	
62	Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2020-2030, định hướng đến năm 2050 và đánh giá khí hậu tỉnh Bến Tre	Sở TN và MT	Năm 2019	
63	Kế hoạch thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông trên cơ sở rà soát thực trạng CSVC, đội ngũ cán bộ quản lý-giáo viên để phục vụ việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 1/2019	
64	Xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia trong năm 2019 đạt 16 trường (MN: 4 trường; TH: 5 trường; THCS: 5 trường; THPT: 2 trường)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tháng 12/2019	

STT	Tên nhiệm vụ/ Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình/ban hành	Ghi chú
65	Kế hoạch khảo sát và lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể nghề truyền thống Cây giống - Hoa kiếng Chợ Lách đề nghị đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.	Sở VH TTDL	Quý I/2019	
66	Tổng kết Quy hoạch tổng thể Phát triển Du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2015, tầm nhìn đến 2020	Sở VH TTDL	Quý I/2019	
67	Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Sở VH TTDL	Tháng 6/2019	
68	Quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh	Sở VH TTDL	Tháng 11/2019	
69	Tổng điều tra Văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 1/2019) tại 82 xã, phường, thị trấn	Sở VH TTDL	Tháng 12/2019	
70	Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Bến Tre	Sở VH TTDL	Năm 2019	
71	Đề án Làng Văn hóa Du lịch huyện Chợ Lách	Sở VH TTDL	Năm 2019	
72	Quy định xây dựng, lắp đặt các trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn tỉnh Bến Tre thay thế Quyết định 09/2009/QĐ-UBND	Sở TT&TT	Năm 2019	
73	Trang bị phần mềm diệt virus tập trung	Sở TT&TT	Năm 2019	
74	Dự án nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền điện tử tỉnh Bến Tre.	Sở TT&TT	2018-2020	
75	Tổ chức triển khai 01 mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý "Bến Tre" cho sản phẩm dừa xiêm xanh và bưởi da xanh	Sở KH&CN	Quý II/2019	
76	Triển khai thực hiện dự án Khu ứng dụng Công nghệ sinh học Cái Môn giai đoạn 2.	Sở KH&CN	Năm 2019	
77	Sáp nhập 03 đơn vị sự nghiệp KH&CN trực thuộc Sở theo tinh thần Nghị quyết 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, khóa XII.	Sở KH&CN	Quý IV/2019	
78	Xây dựng Bản đồ số doanh nghiệp tỉnh Bến Tre.	Sở KH&CN	Quý IV/2019	

STT	Tên nhiệm vụ/ Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình/ban hành	Ghi chú
79	Tổ chức công bố chứng nhận 04 nhãn hiệu: Heo Mò Cây Nam, Xoài Tứ Quý Thạnh Phú, Nhân Long Hòa Bình Đại và Gà nòi Mỹ Sơn Đông Mò Cây Bắc	Sở KH&CN	Quý IV/2019	
80	Quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công và đưa vào hoạt động chính thức	Sở Nội vụ	Tháng 3/2019	
81	Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, CB-CC-VC trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Tháng 3/2019	
82	Đưa vào vận hành và sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Quý II/2019	
83	Thành lập 03 thị trấn: Tiên Thủy thuộc huyện Châu Thành, Tiệm Tôm thuộc huyện Ba Tri và Phước Mỹ Trung thuộc huyện Mỏ Cây Bắc.	Sở Nội vụ	Quý IV/2020	
84	Dự thảo Kế hoạch hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2014 -2018.	Sở Tư pháp	Tháng 3/2019	
85	Trình phê duyệt dự án, KHLCNT Dự án đầu tư xây dựng CSHT KCN Phú Thuận	BQL các KCN	Quý I/2019	
86	Trình phê duyệt dự án (điều chỉnh), KHLCNT dự án đầu tư CSHT CCN Long Phước (gđ 2)	BQL các KCN	Quý I/2019	
87	Trình phê duyệt dự án, KHLCNT dự án CSHT khu tái định cư phục vụ KCN Phú Thuận	BQL các KCN	Quý I/2019	
88	Ban hành và tổ chức thực hiện Đề án đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy BQL các KCN	BQL các KCN	Quý I/2019	
89	Giải phóng mặt bằng Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Phú Thuận	BQL các KCN	Năm 2019	
90	Giải phóng mặt bằng Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng CCN Long Phước (giai đoạn 2)	BQL các KCN	Năm 2019	
91	Giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng CSHT khu tái định cư phục vụ KCN Phú Thuận	BQL các KCN	Năm 2019	
92	Bệnh viện Đa Khoa Hàm Long cuối năm 2019 giải ngân đạt ít nhất 95% KH vốn phân bổ	Ban QLDA Xây dựng	Năm 2019	
93	Dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện tính Bến Tre cuối năm 2019 giải ngân đạt ít nhất 95% KH vốn phân bổ	Ban QLDA Xây dựng	Năm 2019	

STT	Tên nhiệm vụ/ Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình/ban hành	Ghi chú
94	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bến Tre cuối năm 2019 giải ngân đạt ít nhất 95% KH vốn phân bổ	Ban QLDA Xây dựng	Năm 2019	
95	Dự án Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Châu Thành cuối năm 2019 giải ngân đạt ít nhất 95% KH vốn phân bổ	Ban QLDA Xây dựng	Năm 2019	
96	Trang cấp các TTb y tế theo danh mục qui định cho các Trạm Y tế xã và phòng khám đa khoa khu vực - Dự án mua sắm TTb y tế cho các Trạm Y tế xã, phường, Thị trấn (giai đoạn 1)	Ban QLDA Xây dựng	Năm 2019	
97	Đầu tư xây dựng Trạm y tế xã Tân Thạch, huyện Châu Thành đạt chuẩn quốc gia về cơ sở theo lộ trình đã được phê duyệt	Ban QLDA Xây dựng	Năm 2019	
98	Đầu tư xây dựng Trạm y tế xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam đạt chuẩn quốc gia về cơ sở theo lộ trình đã được phê duyệt	Ban QLDA Xây dựng	Năm 2019	
99	Hoàn thành cơ bản Tiểu dự án GPMB Nâng cấp QL.57 (Phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày)	Ban QLDA Giao thông	Tháng 12/2019	
100	Xây dựng cầu Thù Mỹ trên ĐT.886, huyện Bình Đại; xây dựng cầu Phú Long, huyện Châu Thành cơ bản hoàn thành thông xe	Ban QLDA Giao thông	Tháng 12/2019	
101	Trình phê duyệt BCNCKT các dự án: Kè giám sóng bảo vệ bờ biển khu vực Cồn Bùng, xã Thạnh Phong (Thạnh Phú); Kè chống sạt lở Cồn Phú Đa (Chợ Lách); Kè giám sóng bảo vệ bờ biển khu vực Cồn Ngoài xã Bảo Thuận (Ba Tri); Tái định cư di dân khẩn cấp sạt lở bờ sông Bến Tre	Ban QLDA Nông nghiệp	Quý I/2019	
102	Hoàn thành công tác GPMB các dự án: HTTL Bắc Bến Tre (giai đoạn 1); HTTL Nam Bến Tre; Hạ tầng thiết yếu ổn định đời sống dân cư Phường 8 và xã Phú Hưng; Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Ba Tri	Ban QLDA Nông nghiệp	Quý I/2019	
103	Hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng các dự án: Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở hai bên bờ sông Giao Hòa đoạn tiếp giáp sông Ba Lai (Châu Thành, Bình Đại); Nâng cấp đê bao ấp Thành Long, xã Thành Thới A (Mỏ Cày Nam).	Ban QLDA Nông nghiệp	Quý I/2019	

STT	Tên nhiệm vụ/ Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình/ban hành	Ghi chú
104	Lập TKBVTC-TDT các dự án: Kè giảm sóng bảo vệ bờ biển khu vực Cồn Bùng, xã Thanh Phong (Thanh Phú); Kè chống sạt lở Cồn Phú Đa (Chợ Lách); Kè giảm sóng bảo vệ bờ biển khu vực Cồn Ngoài xã Bảo Thuận (Ba Tri); Tái định cư di dân khẩn cấp sạt lở bờ sông Bến Tre	Ban QLDA Nông nghiệp	Quý II/2019	
105	Hoàn thành công tác GPMB các dự án: Cấp nước cho dân cư khu vực Cù Lao Minh trong điều kiện BDKH và NBD; Đường vào khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Ba Tri và Tái định cư di dân khẩn cấp sạt lở bờ sông Bến Tre.	Ban QLDA Nông nghiệp	Quý II/2019	
106	Hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng các dự án: Dự án hồ chứa nước ngọt huyện Ba Tri (Giai đoạn 2); Công trình ngăn mặn lưu vực cống Thủ Cửu, huyện Giồng Trôm (Hạng mục cống cầu Kênh); Xây dựng đê bao đoạn từ K0+00 đến K4+887 (Đê ven sông Tiên thuộc Dự án HTTL Bắc Bến Tre giai đoạn I).	Ban QLDA Nông nghiệp	Quý II/2019	